

# Việc cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long qua hiện tượng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan

Nguyễn Thị Hồng

Trong xu thế toàn cầu hóa, Việt Nam đã và đang trên con đường đẩy mạnh quá trình hội nhập với thế giới. Những thành tựu bước đầu của chúng ta về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... rất đáng khích lệ. Bên cạnh đó, những tác động của nền kinh tế thị trường, sự giao thoa với các nền văn hóa khác nhau cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội cần phải được xem xét và giải quyết một cách nghiêm túc nhằm bảo đảm cho sự phát triển bền vững.

Nhiều năm trở lại đây, việc kết hôn với người nước ngoài nói chung và với người Đài Loan nói riêng đã trở thành một hiện tượng phổ biến ở nước ta, đặc biệt là xu hướng lấy chồng Đài Loan của nữ thanh niên ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Hiện tượng này hàm chứa trong nó nhiều vấn đề phức tạp như sự chênh lệch tuổi tác, sự cách biệt về không gian, ngôn ngữ, văn hóa,... và cùng với nó là tệ nạn buôn bán phụ nữ, sự lan truyền của lối sống chuộng vật chất, thích hưởng thụ trong cộng đồng dân cư và các vấn đề xã hội khác nảy sinh.

Tuy nhiên, một thực tế không ai phủ nhận được đó là từ khi có hiện tượng kết hôn với người Đài Loan thì cuộc sống của cộng đồng nông thôn khu vực đồng bằng sông Cửu Long có sự thay đổi và khởi sắc. Nhiều ngôi nhà khang trang, cao tầng đã mọc lên thay thế những túp lều tranh lụp xụp. Đời sống vật chất của người dân vùng nông thôn này cũng khá hơn trước, phương tiện đi lại và các thiết bị điện tử ngày càng có nhiều hơn như xe máy, ti vi, dàn máy,... và mức sống được nâng cao. Đặc biệt có nhiều hộ gia đình đã vượt nghèo thông qua hình thức gả con gái cho người Đài Loan.

Để có thể hiểu cụ thể hơn về vấn đề này, chúng ta cùng tìm hiểu thêm vì sao việc kết hôn với người Đài Loan lại giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng nông thôn vùng sông nước này? Và liệu đây có phải là giải pháp thiết thực để người dân có thể thoát nghèo và phát triển một cách bền vững hay không?

## 1. Bối cảnh kinh tế - xã hội khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là 39.554 km<sup>2</sup>, gồm 11 tỉnh theo địa giới hành chính cũ hợp thành. Hiện nay tỉnh Cần Thơ đã tách thành tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ.

Đồng bằng sông Cửu Long có hai mùa: mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11) và mùa khô (từ tháng 12 đến tháng 4). Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1500 mm. Nhiệt độ trung bình khoảng 26 - 27°C, độ ẩm khoảng 79 - 80%.

Với hệ thống kênh rạch, kênh mương thông suốt, nguồn nước phong phú, khí hậu ôn hòa, thời tiết thuận lợi và nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản, rừng, sinh vật hoang dã đa dạng... đặc biệt là với nguồn lao động dồi dào, đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh trong sự phát triển nền kinh tế nông, ngư nghiệp.

Tuy nhiên, vào khoảng từ tháng 4 đến tháng 6 hàng năm, những người dân thuộc khu vực này phải chịu cảnh ngập lũ do chính địa hình của nó mang lại. Điều này gây không ít khó khăn trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Cùng với xu hướng sản xuất hàng hóa nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tại khu vực này cũng diễn ra sự phân hóa giàu nghèo và ngày càng trở nên gay gắt.

Đặc điểm văn hóa - xã hội của vùng đất này là nền văn hóa mở và có nhiều yếu tố văn hóa như: văn hóa Ấn Độ qua người Khome, văn hóa Trung Quốc qua người Hoa, văn hóa Hồi giáo qua người Chăm,... Tất cả sự đa dạng, sự khác biệt đó đều được liên kết lại trong một nền văn hóa Việt Nam rất phong phú<sup>1</sup>. Đặc biệt từ nửa sau thế kỷ 20, vùng đất này đã chứng kiến nhiều đổi thay, đã tiếp nhận thêm những ảnh hưởng của văn hóa Pháp, Mỹ. Bối cảnh văn hóa - xã hội như vậy đã tạo nên nét đặc trưng của tính cách người dân khu vực này: dễ thích nghi với sự thay đổi, dễ tiếp nhận cái mới. Vì vậy, dễ bao dung, dễ tha thứ cho những hành vi của người khác và tính ràng buộc cộng đồng không cao. Những đặc điểm này đã giúp người dân đồng bằng sông Cửu Long thích nghi tốt với mọi biến đổi tự nhiên, xã hội.

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nhiều nơi trong khu vực đã thực hiện chuyển

<sup>1</sup>Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường: “Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long”

đổi cơ cấu kinh tế. Đời sống của người dân ngày càng được nâng cao, tình hình nghèo đói đã được cải thiện đáng kể. Năm 1993, tỉ lệ nghèo chiếm 47,1%; năm 1998 giảm xuống còn 36,9%, và đến năm 2002 chỉ còn 23,4%.

Tuy nhiên, sự hạn chế về cơ sở hạ tầng, về điều kiện phát triển học vấn và văn hóa tinh thần (trường lớp, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết chế dịch vụ văn hóa,...) cho những người dân vùng sâu, vùng xa đang tồn tại, cũng thể hiện sự thiệt thòi đối với sự phát triển mọi mặt của những người dân vùng đất trũng này.

Người dân nông thôn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu sống bằng nghề nông, nhưng vì khu vực này đang có sự biến động rất lớn về đất đai, nhiều người không có đất canh tác, chủ yếu sống bằng việc làm thuê. Cùng với việc cơ giới hóa, hiện đại hóa, nguồn lao động dư thừa ở nông thôn đang tăng lên đáng kể. Vì thế, ngay tại các tỉnh thuộc khu vực này vẫn có sự chênh lệch rất lớn về mức sống giữa nông thôn và đô thị.

Theo đánh giá của các chuyên gia, mật độ nghèo đói ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lại rất thấp,<sup>2</sup> có nghĩa là những người nghèo thường sống ở các xã, ấp thuộc vùng sâu, vùng xa - nơi có ít dân cư sinh sống.

Mặt khác, sự nghèo đói không chỉ thể hiện bằng thu nhập hay chi tiêu của các hộ gia đình mà còn thể hiện ở các chỉ số khác như nhà cửa, những đồ dùng lâu bền,... ngay cả những hộ gia đình có mức chi tiêu theo đầu người cao hơn rất nhiều so với ngưỡng nghèo thì một cú sốc, một sự rủi ro bất ngờ cũng có thể đẩy họ xuống dưới ngưỡng nghèo. Từ số liệu về điều tra mức sống hộ gia đình, tại đồng bằng sông Cửu Long có 23,4% hộ chi tiêu dưới ngưỡng nghèo, có 6,7% hộ có chi tiêu trên ngưỡng nghèo nhưng không quá 10% và có đến 17,8% không có tài sản để đương đầu với cơn sốc<sup>3</sup>. Những người rơi vào tình trạng này được gọi là nhóm người dễ bị tổn thương. Nếu so với cả nước, đồng bằng sông Cửu Long là vùng có tỉ lệ người rơi vào nhóm này cao hơn vì thiên tai thường xuyên hơn và tỉ lệ người có tài sản lâu bền và nhà kiên cố lại rất thấp. Trong khi đó, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế xã hội tại khu vực này chưa đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển. Hiện tượng dư thừa lao động đang phổ biến ở khu vực này.

Bối cảnh này dẫn đến xu hướng dịch chuyển lao động từ nông thôn ra đô thị và một sự dịch chuyển nhân khẩu mang tính đặc thù. Đó là xu hướng kết hôn với người Đài Loan, là một trong những phương pháp hữu hiệu nhằm thoát khỏi tình trạng đói nghèo và nâng cao mức sống của một bộ phận dân cư ở vùng đất này. Điều này cũng phản ánh đặc điểm văn hóa mang tính chất mở của người dân Nam Bộ. Dễ dàng tiếp nhận những luồng nhân khẩu mới nhưng cũng không ràng buộc những người muốn ra đi.

Cuộc nghiên cứu của Khoa Xã hội học thuộc Đại học Khoa học xã hội Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp cùng với Vụ Gia đình và Trẻ em thực hiện vào tháng 3 năm 2004 tại 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và tháng 4 năm 2005 về "*Hiện tượng kết hôn của các cô gái đồng bằng sông Cửu Long: thực trạng và giải pháp*" đã cung cấp một số thông tin thực tế và cụ thể hơn về vấn đề này.

Với phương pháp tiếp cận của Xã hội học nông thôn, nhìn sự biến đổi của cộng đồng nông thôn trong một bối cảnh đất nước có nhiều thay đổi trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập.

## **2. Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu**

Cuộc nghiên cứu đã vận dụng nhiều phương pháp và công cụ nghiên cứu khác nhau. Bao gồm một số phương pháp sau đây.

### *2.1 Phương pháp thu thập tư liệu sẵn có*

Các tư liệu sẵn có bao gồm báo chí, phim ảnh, sách, bài viết, báo cáo số liệu thống kê,... các nội dung, các công trình nghiên cứu có liên quan đến bài viết này. Cụ thể, chúng tôi đã tìm hiểu, thu thập, tích lũy các thông tin, bài viết trên các báo, phóng sự, tạp chí, truyền hình, thông tin liên quan qua mạng; các tài liệu quản lý công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài ở Sở Tư pháp thuộc 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, chúng tôi cũng tập hợp và phân tích những tài liệu qua các cuộc hội thảo, các cuộc điều tra, các chương trình liên quan về việc phụ nữ kết hôn với người Đài Loan.

Với các thông tin tư liệu sẵn có này, chúng tôi mong muốn có cách nhìn khái quát về sự phản ánh hiện trạng và nguyên nhân phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long lấy chồng Đài Loan và việc cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng nông thôn tại khu vực này.

### *2.2 Phương pháp thu thập thông tin định lượng*

Thông tin định lượng được sử dụng trong khảo sát thực tế để thu thập thông tin bằng bảng hỏi hộ gia đình (đối với bố hoặc mẹ cô gái đã kết hôn với người Đài Loan) và bảng hỏi dành cho đối tượng nam

<sup>2</sup> Báo cáo phát triển Việt Nam 2004

<sup>3</sup> Nguồn: ước tính dựa trên số liệu ĐTMŞHGĐ 2002. Báo cáo phát triển Việt Nam, sđd.

nữ thanh niên từ 13 - 25 tuổi sinh sống tại địa phương.

Mẫu đối với nhóm cung cấp thông tin này được chọn là mẫu cụm nhiều giai đoạn. Dựa vào công an xã và các trưởng ấp để chọn ra danh sách các hộ gia đình có con lấy chồng Đài Loan, gồm 624 đơn vị mẫu. Trong đó, Tiền Giang: 68, An Giang: 100, Hậu Giang: 62, Cần Thơ: 150, Vĩnh Long: 88, Đồng Tháp: 156.

Vì một số gia đình có 2 hoặc 3 người con kết hôn với người Đài Loan nên tổng số bảng hỏi hộ gia đình là 635.

Bảng hỏi dành cho thanh niên thì mẫu được chọn theo phương pháp chọn mẫu chỉ tiêu, phù hợp theo 3 nhóm tuổi: từ 13-16, từ 17-21 và từ 22-25. Kết quả phỏng vấn được 460 thanh niên. Trong đó, Cần Thơ: 108, Đồng Tháp: 107, An Giang: 110, Vĩnh Long: 61, Hậu Giang: 40, Tiền Giang: 34.

### 2.3 Phương pháp thu thập thông tin định tính

#### 2.3.1 Phỏng vấn sâu

Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sâu đối với cô gái sắp kết hôn với người Đài Loan tại địa phương và Sở Tư pháp tỉnh nhằm tìm hiểu sâu hơn động cơ kết hôn với người Đài Loan, hoàn cảnh cũng như sự chuẩn bị cho cuộc hôn nhân. Bao gồm những tiêu chí: hoàn cảnh gia đình và cá nhân, lý do quyết định kết hôn, hành trang chuẩn bị cho việc kết hôn, tìm hiểu về cuộc sống tương lai, kế hoạch cho tương lai,...

Đối với những phụ nữ đã và đang kết hôn với người Đài Loan, chúng tôi thực hiện phỏng vấn ngay tại nhà các cô gái nhằm tìm hiểu sâu về động cơ, cuộc sống trước và sau khi kết hôn, thời gian sống tại nước ngoài. Các tiêu chí gồm: thông tin cá nhân, quan hệ với gia đình và cộng đồng, lý do kết hôn với người Đài Loan, thái độ của mọi người xung quanh, công việc, thu nhập, điều kiện ăn ở, sinh hoạt, quan hệ xã hội khi sống tại Đài Loan, quan hệ tình cảm với chồng và các thành viên khác trong gia đình chồng

Ngoài ra, chúng tôi còn phỏng vấn sâu đại diện cán bộ địa phương để nắm được những vấn đề tương tự từ góc nhìn của các cán bộ quản lý.

Kết quả thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu tại 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long như sau:

- Cán bộ: 28 cuộc.
- Phụ nữ (đã/đang/sắp) lấy chồng Đài Loan: 82 cuộc.
- Phỏng vấn sâu người môi giới: 3 cuộc.
- Phỏng vấn sâu người Đài Loan sắp kết hôn với cô gái Việt Nam: 3 cuộc

#### 2.3.2 Thảo luận nhóm

Chúng tôi thực hiện thảo luận nhóm với các nhóm lứa tuổi và các nhóm giới tính khác nhau. Gồm 23 cuộc thảo luận nhóm tại 6 tỉnh cho 3 nhóm đối tượng: thanh niên (13 - 28 tuổi), trung niên (30 - 45 tuổi) và người cao tuổi (46 - 60 tuổi).

#### 2.3.3 Phương pháp Đánh giá nhanh có sự tham gia

Bên cạnh phương pháp thảo luận nhóm, chúng tôi kết hợp với một công cụ đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân đó là cây vấn đề nhằm thu thập ý kiến đánh giá, giải thích của người dân địa phương về nguyên nhân, hệ quả vấn đề phụ nữ lấy chồng Đài Loan và việc cải thiện chất lượng cuộc sống tại cộng đồng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long.

### 2.4 Phương pháp xử lý thông tin

Các thông tin được xử lý bằng Excel (định tính) và phần mềm SPSS (định lượng).

## 3. Các lý thuyết tiếp cận

Khi nghiên cứu về vấn đề này, có thể vận dụng nhiều lý thuyết khác nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này tôi chỉ sử dụng một vài lý thuyết sau đây.

### 3.1 Lý thuyết hệ thống

Hệ thống là tập hợp các phần tử có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại nhau một cách có quy luật để tạo thành một chỉnh thể. Hoạt động để hướng tới mục đích chung theo cách tiếp nhận các yếu tố vào, sinh ra các yếu tố ra, trong một quá trình xử lý có tổ chức.

Có nhiều bộ phận hợp thành hay các phần tử. Những bộ phận hợp thành hay các phần tử đó có quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động ảnh hưởng đến nhau một cách có quy luật.

Lý thuyết hệ thống cho rằng, bất kỳ một sự thay đổi nào về lượng cũng như về chất của một phần tử đều có thể làm ảnh hưởng đến các phần tử khác của hệ thống và bản thân hệ thống đó, ngược lại mọi thay đổi về lượng cũng như về chất của hệ thống đều có thể làm ảnh hưởng đến các phần tử của hệ thống.

Như vậy, việc kết hôn với người Đài Loan và sự cải thiện mức sống của người dân nông thôn đồng bằng sông Cửu Long không nằm ngoài quy luật của sự phát triển này. Chính sự tác động của yếu tố kinh tế thị trường và xu hướng hội nhập với nền kinh tế thế giới đã làm cho bộ mặt cộng đồng nông thôn có những thay đổi. Việc một bộ phận nữ thanh niên tham gia vào việc kết hôn với người Đài Loan, ngoài

những lý do khác thì yếu tố sinh tồn, nhu cầu mưu sinh, áp lực của cuộc sống nghèo khổ vất vả đã đưa họ đến các quyết định đó.

### 3.2 Lý thuyết chức năng

Lý thuyết chức năng cho rằng, bất cứ một sự vật hiện tượng nào tồn tại đều có lý do của nó và nó tồn tại nhằm đảm bảo một số chức năng nhất định, giúp cho sự vật được tồn tại một cách ổn định và phát triển hài hòa. Như vậy, hiện tượng lấy chồng Đài Loan của các cô gái nông thôn đồng bằng sông Cửu Long cũng nhằm đáp ứng một số chức năng nhất định trong cuộc sống của họ. Cụ thể là việc nhằm đảm bảo chức năng kinh tế cho các hộ gia đình, nhờ việc có con gái kết hôn với người Đài Loan, một bộ phận dân cư ở đây đã có sự đổi đời, vượt nghèo, giàu lên, đời sống sung túc và đầy đủ phương tiện. Mặt khác, nó còn có chức năng về mặt tình cảm, nhằm thỏa mãn nhu cầu, nguyện vọng của các cô gái muốn được đi đó, đi đây, muốn thay đổi nghề nghiệp và muốn giúp đỡ gia đình, báo hiếu cho cha mẹ.

### 4. Thực trạng hôn nhân Đài - Việt

Hiện nay, số lượng các cô gái lấy chồng là người Đài Loan tại nước ta ngày càng tăng, đặc biệt là vùng Nam Bộ. Theo số liệu của Phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: trong khoảng 1995 - 2003, tổng số cặp vợ chồng Việt Nam - Đài Loan được phép nhập cảnh đã đạt tới 72.411 cặp (bình quân 10.000 cặp/năm).

Qua các số liệu thu thập được, tại Việt Nam trong những năm qua, số lượng các cô gái kết hôn với người Đài Loan đã tăng lên nhanh chóng. Đặc biệt, số lượng cô gái Việt Nam kết hôn với người Đài Loan tăng mạnh vào năm 2000, 2002.

Theo báo cáo thống kê của văn phòng đại diện Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉ lệ cô dâu Việt kết hôn với người Đài Loan ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long cao vượt trội so với toàn quốc. Chẳng hạn, năm 2003, cả nước có 11.358 cô gái kết hôn với người Đài Loan, nhưng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long số lượng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan cao hơn hẳn, với tổng số là 7.285, chiếm 64,14% từ tổng số các cô gái kết hôn với người Đài Loan trên toàn quốc. Trong đó, Cần Thơ là một trong những điểm nóng của tình trạng này, sau đó là Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long.

### 5. Nguyên nhân thúc đẩy phụ nữ đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan

#### 5.1 Hoàn cảnh gia đình

Như đã nêu ở trên, vùng đất này đang diễn ra quá trình phân hóa về kinh tế - xã hội giữa khu vực nông thôn và đô thị, giữa kinh tế nông nghiệp và kinh tế phi nông nghiệp, giữa những người có đất và những người phải bán đất, hoặc không có đất phải đi làm thuê.

ở khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, sự hạn chế về cơ sở sản xuất và khả năng phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp đã cản trở người dân về khả năng tạo thu nhập. Những gia đình nghèo và gần ngưỡng nghèo là những gia đình làm nông nghiệp nhưng không có đất, không có cơ may để thay đổi cuộc sống. Học vấn thấp, đông con và một số tập quán địa phương đã là những nguyên nhân dẫn đến sự nghèo khó của họ. Những cô gái lấy chồng Đài Loan phần lớn sống trong những hoàn cảnh như vậy.

Từ kết quả phân tích học vấn của 635 người trả lời (283 người cha và 350 người mẹ của các cô gái) cho thấy: học vấn của những người chủ gia đình ở nơi này rất thấp. Đa phần có trình độ cấp I (58,9%), một số ít học cấp II (21,7%), những người có trình độ học vấn cấp III và cao hơn nữa chiếm tỉ lệ không đáng kể (9,6%). Đặc biệt vẫn còn 59 người (9,3%) không biết chữ hoặc tái mù chữ<sup>4</sup>.

Đồng thời, kết quả điều tra cũng cho thấy số con trung bình tại các gia đình này rất cao (5,3). Nếu so với kết quả điều tra mức sống hộ gia đình thực hiện năm 2002 của Tổng cục thống kê thì nhân khẩu trung bình chung của toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long là 4,6. Nhân khẩu trung bình của nhóm nghèo nhất là 5,12; trong khi đó, số nhân khẩu trung bình của các hộ giàu nhất chỉ có 4,09. Những số liệu cũng cho thấy quy luật chung là mức sống của hộ - gia đình càng cao thì trung bình nhân khẩu càng thấp<sup>5</sup>, tức là các hộ gia đình càng đông con thì khả năng rơi vào nhóm hộ nghèo càng lớn. Như vậy, trung bình nhân khẩu của những hộ gia đình có con lấy chồng Đài Loan trong nghiên cứu của chúng tôi tương đương với trung bình nhân khẩu của nhóm thu nhập thấp nhất ở khu vực này.

Do vậy, tỉ lệ người sống phụ thuộc vào lao động gia đình ở nơi này cũng cao (trung bình 2,24). Trong các tỉnh được khảo sát, Hậu Giang và Vĩnh Long là 2 tỉnh có các hộ có bình quân lao động ăn theo cao nhất, Đồng Tháp là tỉnh có số bình quân lao động ăn theo thấp nhất.

Đồng thời, theo sự đánh giá của cha mẹ các cô gái kết hôn với người Đài Loan về tình hình mức sống hộ gia đình của mình so với những người xung quanh, phần lớn gia đình họ thuộc loại nghèo

<sup>4</sup> Kết quả xử lý phỏng vấn bằng hỏi đối với cha mẹ cô gái lấy chồng Đài Loan tại 6 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>5</sup> Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình*. Nxb Thống kê. Hà Nội - 2004.

(41,1%) hoặc rất nghèo (19,8%). Nếu so sánh kết quả tự đánh giá của các hộ theo tỉnh, tỉ lệ hộ nghèo và rất nghèo trong mẫu nghiên cứu cao nhất thuộc về tỉnh Cần Thơ (73,10%), sau đó là An Giang (71,60%), Đồng Tháp (60,70%), Hậu Giang (54,70%), rồi đến Vĩnh Long (42,70%), Tiền Giang (41,10%).

Như vậy, đại diện hộ - gia đình có con gái kết hôn với người Đài Loan đa phần là những người có trình độ học vấn thấp, không có trình độ chuyên môn, chủ yếu làm nghề nông, thiếu đất phải đi làm thuê. Trong khi đó, chính quyền địa phương vẫn chưa đưa ra được những biện pháp hữu hiệu để cải thiện tình hình kinh tế ở địa phương trong vấn đề tạo công ăn việc làm và đời sống của người dân. Mặt khác, người dân vì thiếu những điều kiện căn bản nên cũng không tự mình tạo được công ăn việc làm để tăng thu nhập. Một số hộ làm nghề dịch vụ, buôn bán nhỏ nhưng cuộc sống vẫn rất bấp bênh. Vì thu nhập thấp, họ không có điều kiện trang trải cho miếng cơm, manh áo hằng ngày, nhiều người tuy cuộc sống khá hơn nhưng cũng chỉ đủ ăn. Mỗi khi gặp những sự cố từ thiên tai hoặc trong gia đình có những người bị bệnh nặng, họ lại lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn. Tóm lại, việc làm ăn thua lỗ, bị xiết nợ, phải lẩn trốn, trong nhà có người bệnh nặng và kéo dài, không có khả năng chi phí cho cơ hội giáo dục của con cái,... là những vấn đề thường gặp trong các gia đình này.

### 5.2 Kỳ vọng vào sự cải thiện về kinh tế gia đình thông qua việc kết hôn với người Đài Loan

Chính vì hoàn cảnh gia đình khó khăn lại không có khả năng khắc phục tình trạng nghèo khổ kéo dài của mình, những người cha, mẹ tại đồng bằng sông Cửu Long đã kỳ vọng vào việc lấy chồng Đài Loan của các cô con gái của mình. Đa số các gia đình đều cho rằng họ trông đợi vào sự giúp đỡ về kinh tế của cô con gái thông qua việc kết hôn với người Đài Loan (chiếm tỉ lệ 81,4%); trong đó Cần Thơ, Đồng Tháp, An Giang là những tỉnh có tỉ lệ hộ trông đợi cao nhất.

Đặc biệt, sự kỳ vọng vào cuộc hôn nhân của con gái tỉ lệ nghịch với trình độ học vấn của các bậc cha mẹ. Những người có trình độ học vấn càng thấp, tỉ lệ bày tỏ sự hi vọng vào hôn nhân của con cái càng cao. Ngược lại, những bậc cha mẹ có trình độ học vấn càng cao thì tỉ lệ kỳ vọng vào con cái trong việc cải thiện kinh tế cho gia đình càng thấp.

Những người chủ gia đình có trình độ học vấn thấp ít có cơ hội về nghề nghiệp, họ thường lao động bằng nghề nông nghiệp, phải làm thuê. Do vậy, thu nhập đã thấp lại không ổn định, họ không có khả năng tự tạo các công việc phi nông nghiệp để tăng thu nhập. Tóm lại, học vấn là một trong những yếu tố ảnh hưởng rõ nét đến khả năng vượt nghèo của người dân đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều gia đình coi việc con cái đi lấy chồng Đài Loan cũng giống như việc các cô lên tỉnh hay lên thành phố Hồ Chí Minh để đi làm: “nếu thấy ổn thì ở lại lâu dài, nếu thấy khó khăn, không sống được thì về”.

Thực tế cũng cho thấy việc làm này mang lại hiệu quả rất nhanh chóng. Những kết quả định lượng qua việc phỏng vấn bảng hỏi đối với 635 hộ gia đình thì tỉ lệ hộ gia đình thoát nghèo và hộ gia đình khá giả đã tăng lên trông thấy. Để đánh giá sự thay đổi về kinh tế của các hộ gia đình trước và sau khi con gái họ kết hôn với người Đài Loan, chúng tôi yêu cầu các gia đình cho biết mức sống của họ theo cách đánh giá của người dân địa phương trước khi con họ lấy chồng và mức sống của gia đình trong thời điểm khảo sát (được chia thành 5 nhóm: rất nghèo, nghèo, trung bình, tương đối khá và khá giả). Kết quả cho thấy, nếu như trước khi con gái lấy chồng có tới 126 hộ thuộc nhóm 1 (rất nghèo) chiếm 19,8% và 261 hộ thuộc nhóm 2 (nghèo) chiếm 41,1% thì tình hình này đã thay đổi sau khi con gái họ kết hôn với người Đài Loan. Chỉ còn 7 hộ thuộc nhóm rất nghèo (1,1%) và 52 hộ thuộc nhóm nghèo (8,2%). Còn các hộ khá và giàu tăng lên rõ rệt. Tính ở thời điểm trước khi con gái kết hôn với người Đài Loan chỉ có 43 hộ khá (6,8%) thì tại thời điểm nghiên cứu số hộ khá đã tăng lên 238 hộ (37,0%). Số lượng hộ có mức sống khá giả cũng tăng lên đáng kể, từ 10 hộ (1,6%) đã tăng lên thành 66 hộ (10,4%).

Những kết quả này hoàn toàn phù hợp với những ý kiến trong các cuộc thảo luận nhóm của người dân cũng như những quan sát của nhóm nghiên cứu của chúng tôi tại cộng đồng và qua các cuộc trao đổi với cán bộ địa phương. Khi hỏi thăm về những gia đình có con kết hôn với người Đài Loan, mọi người dân ở bất kỳ nơi nào tại các điểm khảo sát đều nói một câu gần như nhau: “Không khó nhận ra đâu, đó, những nhà nào cất hai tầng, có bờ tường cao mà đẹp đó, cái chỗ mà không phải lội (nước) đó”.

Như vậy, không ngẫu nhiên mà mọi câu trả lời cho lý do kết hôn với người Đài Loan của các cô gái đều nhấn mạnh vào yếu tố kinh tế. Không ít người đã vội vàng đánh giá rằng các gia đình này và những cô gái của họ vì ham tiền mà không để ý đến những hệ quả khác. Tuy nhiên, để tìm hiểu thấu đáo vấn đề này, cần phải phân tích kỹ hơn những nguyên nhân mang tính chủ quan từ phía các cô gái.

### 5.3 Động cơ của các cô gái khi kết hôn với người Đài Loan

Hôn nhân là một vấn đề quan trọng trong cuộc đời con người. Trước khi đi đến quyết định cho vấn đề này, người ta thường đắn đo, suy nghĩ rất cẩn trọng, và những quyết định này bị chi phối bởi không chỉ tình cảm mà cả nhận thức của họ.

#### 5.3.1 Lý giải của cha mẹ

Đối với các bậc cha mẹ, khi được đề nghị lý giải về lý do con gái họ chấp nhận lấy chồng Đài Loan, phần lớn các bậc cha mẹ cho rằng: con gái họ muốn giúp đỡ gia đình (chiếm tỉ lệ 72,3%). Và kế đến là ý kiến cho rằng lấy chồng Đài Loan để “con họ đổi đời” (chiếm tỉ lệ 43,5%). Đồng thời, trong số những người trả lời, nhiều người cùng một lúc xác định cả hai lý do: vừa giúp đỡ gia đình về mặt kinh tế, vừa tạo điều kiện cho con họ có cuộc sống tốt hơn.

### 5.3.2 Lý giải của các cô gái đã kết hôn với người Đài Loan

Để biết cụ thể hơn những động cơ khi quyết định kết hôn của các cô gái, chúng tôi trò chuyện với chính các cô gái đã sống với chồng tại Đài Loan hiện đang về phép và những cô gái không may mắn trong những cuộc hôn nhân này, đã ly hôn, ly thân, trở về nước. Trong 51 trường hợp được phỏng vấn, có 6 cô gái lảng tránh hoặc từ chối trả lời về nguyên nhân, 45 cô gái còn lại đã nói về những động cơ khác nhau khi họ quyết định tham gia vào cuộc hôn nhân đặc biệt này. Trong các cuộc phỏng vấn sâu, các cô gái đã bày tỏ những suy nghĩ của mình khi quyết định kết hôn với người Đài Loan. Mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau nhưng họ giống nhau ở một điểm là gia đình đều khó khăn.

Trong bối cảnh như vậy, hoàn cảnh riêng của mỗi gia đình, mỗi cá nhân sẽ là những nguyên cơ thúc đẩy sự quyết định của họ. Trong các lý do mà các cô gái đưa ra, chúng tôi tạm thời nhóm lại thành 4 nhóm có ý kiến tương đối giống nhau và đặt tên chúng như những chỉ báo của các nhóm có nhu cầu thúc đẩy các động cơ khác nhau trong quyết định kết hôn của mình.

Nhóm 1: Muốn giúp đỡ gia đình.

Nhóm 2: Muốn thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại.

Nhóm 3: Muốn được hưởng cuộc sống sung sướng.

Nhóm 4: Muốn thỏa mãn nhu cầu tình cảm.

Với nhóm 1, nhu cầu muốn giúp đỡ gia đình, từ nhu cầu này, hình thành nên 2 tiểu nhóm động cơ. Động cơ thứ nhất “mong muốn thông qua việc lấy chồng để có cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm, tạo thu nhập cho gia đình”. Do vậy, việc kết hôn là cái cớ, là phương tiện thỏa mãn nhu cầu việc làm để giúp đỡ gia đình. Nhóm này chiếm tỉ lệ cao nhất (31,1%).

Các cô gái trong mẫu nghiên cứu phần lớn là những người có học vấn thấp, kéo theo sự hạn chế về tay nghề. Trong số các cô gái tham gia phỏng vấn, chỉ có 14,6% làm công nhân, một tỉ lệ tương tự như vậy làm nghề buôn bán, số ít hơn làm dịch vụ (12,5%), còn lại phần lớn làm nông nghiệp; thu nhập thấp và thất thường hoặc chỉ phụ cha mẹ việc vặt trong nhà. Mặt khác, những thành viên khác trong gia đình cũng có những đặc điểm nhân khẩu - xã hội tương tự. Các cô gái và cha mẹ của họ đều có chung một tâm sự là muốn bằng cách nào đó để cải thiện tình hình kinh tế của gia đình. Nhưng với điều kiện kinh tế - xã hội chung của đồng bằng sông Cửu Long như vậy, hoàn cảnh gia đình lại khó khăn, không có đất, không có tài sản lâu bền, họ chỉ còn mỗi cách cho con lấy chồng Đài Loan để có điều kiện qua đó kiếm công ăn việc làm, tạo thu nhập giúp đỡ gia đình.

Động cơ thứ hai thể hiện trong nhóm các cô gái muốn lấy chồng giàu (chiếm 15,6%). Những cô gái trong nhóm này suy nghĩ rằng mình là phụ nữ, cần phải sống dựa vào chồng. Người chồng có nghĩa vụ lo lắng về vật chất không chỉ cho mình mà cả gia đình lớn của mình nữa. Những cô gái này thường có trình độ học vấn thấp, không có nghề. Họ thường lấy chồng lớn tuổi và có nghề nghiệp ổn định.

Cũng giống như các bậc cha mẹ, các cô gái này coi việc đi lấy chồng nước ngoài cũng giống như đi làm xa vậy, có cô nói lấy chồng Đài Loan để nếu có điều kiện sẽ đi làm thêm, nếu không thì cũng nhờ đồng lương của chồng, tiết kiệm để gửi tiền về. Vì vậy, trong khi tâm sự các cô bày tỏ rằng muốn có chồng giàu để có điều kiện phụ giúp gia đình. Điều này có thể được coi là nguyên nhân có tác động mạnh mẽ nhất tới sự quyết định lựa chọn của một số cô gái dù không nhiều. Xét về một khía cạnh nào đó, kết hôn với người Đài Loan ngoài việc có ý nghĩa làm giàu nhanh chóng cho gia đình, nó vừa là phương cách xóa đói giảm nghèo ở các địa phương thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

Vậy, điều gì làm nảy sinh nhu cầu giải quyết về kinh tế cho gia đình nếu không phải vì sự hạn chế về kinh tế của địa phương và mức sống của người dân. Các cô gái tham gia phỏng vấn sâu cho biết: *"Em nghĩ còn mơ ước đi qua bên đó nữa nhưng không theo đoàn, tính làm hợp đồng các công ty đưa người đi làm, mình còn lượng ước cũng chưa quyết định được. Muốn đi lấy chồng nhưng làm thủ tục lâu. Nhưng mình không thích sống ở Việt Nam. ở Việt Nam không có nghề nào kiếm nhiều tiền, chỉ lo được chồng con chứ không lo cho cha mẹ được, qua đó tiền nhiều, em định đi một thời gian lo cho cha mẹ đầy đủ như người ta rồi sẽ về Việt Nam ở"*. (PVS cô gái 25 tuổi kết hôn với người Đài Loan không thành đã trở về tại xã Tân Lộc, huyện Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

Nhóm thứ hai là những cô gái muốn thoát khỏi hoàn cảnh hiện tại thì việc lấy chồng Đài Loan là tránh để khỏi lấy những người chồng ở địa phương, "suốt ngày say xỉn và đánh vợ", hoặc lấy chồng để quên người yêu cũ. Các cô cho rằng "tự mình thấy mấy đứa con gái ở đây có chồng say xỉn hoài à, bởi

vậy nhìn thấy sợ, mới tự nguyện đi lấy chồng xa. Máy đưa bạn tui nói sống ở bên tốt hơn bên này, sướng hơn bên này nhiều lắm. Mà thiệt đời sống ở bên tốt hơn bên này nhiều".

Một ý kiến khác cũng tương tự: "Thật ra mình thấy cuộc sống ở đây cực quá, vật chất không thoải mái còn bị đánh đập, mà con trai thất nghiệp, rồi nghiện ngập, AIDS, lấy về nhiều khi mang nợ vào thân, sợ lắm. Còn lấy chồng bên kia ít bị đánh đập, cuộc sống vật chất thoải mái có thể giúp ba má ở nhà không phải lo về kinh tế nhiều. Chị có nhiều bạn lấy chồng ở Đài Loan, nghe kể lại thấy bà con quanh đây có con lấy chồng ở bên cũng sung sướng, hạnh phúc". (PVS cô gái tại xã Tân Lộc, Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ).

Nhóm thứ ba gồm những cô gái muốn có cuộc sống sung sướng hơn và một số cô gái dù cuộc sống không quá vất vả nhưng muốn được đi đây đi đó. Những cô gái thuộc về nhóm này khi nói về động cơ của việc kết hôn với người Đài Loan thường tâm sự, than phiền về cuộc sống vất vả của gia đình mình và những người xung quanh.

Cuộc sống quá cực khổ tại quê nhà cũng khiến cho các cô gái muốn thoát khỏi cảnh phải lao động lam lũ mà không có hiệu quả, nhiều cô gái lên thành phố làm ăn từ sớm, khi về quê họ không muốn làm nghề nông nữa nhưng lại không có khả năng tạo ra được các việc làm phi nông nghiệp để kiếm thêm thu nhập, nên cũng chấp nhận việc kết hôn để có được cuộc sống tốt hơn. Lý do này chiếm tỉ lệ 20,4%.

Điều này thể hiện qua các cuộc phỏng vấn sâu, họ cho rằng: "Không biết nữa, mình cảm thấy người đó không đến nỗi tệ, mình nhìn thấy vậy nên mình ưng. Chứ mình nghĩ nếu mà làm ruộng ở đây mình không làm nổi, từ đó đến giờ vậy, từ đó đến nay nhà nghèo thì nghèo thiệt, nhưng mà đi làm thì đi làm trên thành phố quen rồi, lỡ lấy chồng dưới quê thì sao làm ruộng, nghĩ vậy mà đi lấy chồng Đài Loan đó cho rồi". (PVS cô gái tại huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long).

Còn những cô gái thuộc nhóm 4 là nhóm lấy chồng vì tình cảm, nhóm này chiếm tỉ lệ thấp nên trong phạm vi bài viết này không phân tích.

Như vậy, những động cơ muốn có chồng giàu hoặc động cơ lấy chồng Đài Loan để được tiếp cận với việc làm có thu nhập cao nhằm thỏa mãn nhu cầu giúp đỡ kinh tế cho gia đình là 2 động cơ phổ biến nhất.

Động cơ lấy chồng giàu để được sống sướng hơn và được đi đây đi đó nhằm thỏa mãn nhu cầu hưởng thụ về vật chất cũng được các cô gái ở đây hưởng ứng.

## 6. Thay lời kết

Vấn đề kết hôn với người Đài Loan của các chị em ở đồng bằng sông Cửu Long là một tồn tại hợp lý, theo thống kê của địa phương, đa số những gia đình có con lấy chồng nước ngoài đều có đời sống khá hẳn lên, tuy cũng có những hoàn cảnh không gặp may mắn nhưng so với tổng thể thì hiệu quả của nó vẫn cao hơn. Tuy nhiên, nó vẫn còn một số vấn đề đáng được quan tâm như sau:

- Đa số thanh niên ở địa phương còn trình độ học vấn rất thấp, chưa có nghề nghiệp ổn định và lâu dài.

- Công tác hướng nghiệp cũng như định hướng về xây dựng đời sống gia đình cho các bạn trẻ ở địa phương dường như còn rất yếu, thậm chí hầu như không có.

- Sự cách biệt giữa quan niệm và hành vi của thanh niên về hôn nhân. Khi hôn nhân - gia đình không còn được xây dựng trên nền tảng của tình yêu, nhu cầu chia sẻ tình cảm... mà là yếu tố kinh tế, cùng với tốc độ đô thị hóa và hội nhập, kinh tế thị trường là những vấn đề mà xã hội cần phải quan tâm.

Một vài nhận định cũng như những tính chất của vấn đề được nêu ở đây sẽ không là đầy đủ, nhưng cũng cho chúng ta nhận ra rằng thực trạng hôn nhân và xu hướng kết hôn cũng như tiêu chuẩn chọn bạn đời và những giá trị của hôn nhân ở đồng bằng sông Cửu Long đã có nhiều thay đổi trước sự tác động của kinh tế thị trường và chịu tác động bởi yếu tố kinh tế, với mong muốn "đổi đời", cải thiện cuộc sống gia đình.

Trong bất kỳ xã hội nào thì hôn nhân - gia đình cũng thực hiện rất nhiều chức năng. Kết hôn, ngoài việc hình thành nên một gia đình mới với các chức năng nhất định của nó, thì trong trường hợp kết hôn với người Đài Loan ở đồng bằng sông Cửu Long, yếu tố kinh tế đang ngày càng khẳng định vai trò của nó trong hành vi lựa chọn bạn đời và kết hôn của giới trẻ ở đây.

Chúng tôi nhận thấy rằng, việc các cô gái tham gia quá trình hôn nhân quốc tế - lấy chồng nước ngoài, bản thân họ cũng như gia đình đều nhận thấy rằng có thể gặp "rủi ro" trong hôn nhân. Nhưng họ chấp nhận để có thể thay đổi cuộc đời bản thân hoặc hoàn cảnh của gia đình trước mắt. Đa số những người có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp trong việc kết hôn với người nước ngoài đều cho rằng kết hôn này sẽ mang đến cơ hội đổi đời cho họ và tháo gỡ những khó khăn về kinh tế cho gia đình dù không xuất phát từ tình yêu. Trong khi đó họ cũng cho biết, việc kết hôn với người cùng địa phương cũng sẽ chịu

nhiều “rủi ro” không khác gì kết hôn với người nước ngoài, thậm chí còn trầm trọng hơn như: nghèo nàn, ít học, không chăm chỉ làm ăn, hay nhậu nhẹt, đánh đập vợ con ...

Bên cạnh đó là sự thành công của những phụ nữ đã kết hôn với người nước ngoài dường như là “niềm tin”, “niềm hy vọng” cho các bạn nữ thanh niên ở địa phương hiện nay. Chúng ta có thể nhận thấy qua số lượng các cô gái tham gia hôn nhân Đài - Việt ở đồng bằng sông Cửu Long không ngừng tăng lên. Chúng tôi, bản thân của vấn đề đã có một chức năng nhất định và nó cũng đáp ứng được nhu cầu của một số thành phần trong cộng đồng. Chúng tôi được biết hầu hết các gia đình làm ăn khá giả hơn, nhà cửa khang trang kiên cố ở địa phương đều có con lấy chồng nước ngoài. Việc phụ giúp gia đình về mặt kinh tế không chỉ trong khi tiến hành kết hôn mà còn kéo dài trong một thời gian dài sau đó, bằng việc gởi tiền về phụ giúp cha mẹ và gia đình sau khi đi nước ngoài.

Chúng tôi thiết nghĩ nên chăng cần phải đầu tư cho công tác hướng nghiệp cũng như đào tạo nghề cho giới thanh niên tại địa phương. Như thế có lẽ sẽ làm cho sự mặc cảm về thu nhập cũng như kinh tế giữa nam và nữ ở đây sẽ xóa dần. Bởi vì, trong điều kiện của kinh tế thị trường và xu thế toàn cầu hóa thì hôn nhân có yếu tố nước ngoài sẽ ngày càng gia tăng. Nên chăng về phía các nhà chức trách cần phải có một cơ chế quản lý thích hợp để bảo vệ quyền lợi của các cô gái tham gia kết hôn với người nước ngoài và tạo điều kiện để đồng bằng sông Cửu Long phát triển một cách bền vững .

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Tô Duy Hợp: *Bộ tài liệu giảng dạy chuyên đề Xã hội học Nông thôn* cho lớp Cao học Xã hội học khóa 2005, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh năm 2006.
2. Dr. Hans Rai: *Xã hội học nông thôn* (Phòng Xã hội học Nông thôn dịch). Hà Nội - 1997.
3. Trần Thị Kim Xuyên: *Tìm hiểu thực trạng phụ nữ kết hôn với người Đài Loan tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long*, năm 2004.
4. Vũ Quang Hà: *Các lý thuyết Xã hội học* Tập 1. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2001.
5. Các biên bản gỡ băng phỏng vấn sâu các cô gái đồng bằng sông Cửu Long kết hôn với người Đài Loan và biên bản thảo luận nhóm.